

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HS-ST

Ngày: 26-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Tấn Kiệt.
- Ông Nguyễn Duy Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Vũ Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/HS ST-QĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn K, sinh năm 1987, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số nhà H, tổ C, ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đặng Thị Mỹ L; có vợ Phạm Ngọc T, chưa có con; tiền án: Tại bản án số 08/2019/HSST ngày 01/3/2019, Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chưa chấp hành nộp phạt, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Trương Thị T1, sinh năm 1974, tại Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số nhà E, tổ A, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D và bà Tô Thị L1; có chồng Lê Hoàng T2, và 03 người con; tiền án: Tại bản án số 104/2021/HSST ngày 27/9/2021, Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Đánh bạc”, chưa hết thời gian thử thách, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không có; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1992, tại Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú hiện nay: Số G, đường L, tổ A, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1 và bà Lâm Thị H1; có chồng Lưu Công D1 (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án: Không có; tiền sự: Tại Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2024, Công an xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn K đã bị kết án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích. Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 21/7/2023, bị cáo K và các đối tượng Ngô Tính N, sinh năm 1992; Trương Bảo N1, sinh năm 1986; Nguyễn Kiều M, sinh năm 1979; Nguyễn Hữu B, sinh năm 1975 cùng ngụ ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Đặng Thanh H2, sinh năm 1989, ngụ khu phố D, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Lê Minh T4, sinh năm 1970; Võ Quốc T5, sinh năm 1968 cùng ngụ ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Trần Vĩnh P, sinh năm 1982, ngụ khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh cùng nhau tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc bầu cua được thua bằng tiền do Lê Minh T4 làm cái tại nhà của Nguyễn Hữu B hẻm S, đường T, ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Việc đánh bạc diễn ra đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã T phát hiện bắt quả tang; thu giữ số tiền 4.110.000 đồng (thu tại chiều bạc 510.000 đồng, thu trên người những người tham gia đánh bạc 3.600.000 đồng); 01 đĩa băng kim loại kích thước (24 x 4)cm; 03 hột giấy hình lập phương và 01 tờ giấy in hình bầu, cua, cá, gà, nai, tôm; 01 thùng nhựa màu trắng kích thước (12,5 x 18,5)cm.

Tổng số tiền đánh bạc được xác định là 4.110.000 đồng, cụ thể:

+ Trần Văn K sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 110.000 đồng, thu giữ số tiền 1.110.000 đồng.

+ Lê Minh T4 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, thắng 200.000 đồng, thu giữ số tiền 700.000 đồng.

+ Ngô Tính N sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, thua 150.000 đồng, thu giữ số tiền 250.000 đồng.

+ Nguyễn Kiều M sử dụng 120.000 đồng để đánh bạc, thua hết nên không thu giữ tiền.

+ Nguyễn Hữu B sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, thua 70.000 đồng, khi công an kiểm tra B ném 30.000 đồng xuống chiếu bạc.

+ Trương Thảo N2 sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, thua 50.000 đồng, thu giữ số tiền 100.000 đồng.

+ Võ Quốc T5 sử dụng 430.000 đồng đánh bạc, thua 30.000 đồng, thu giữ số tiền 400.000 đồng.

+ Trần Vĩnh P sử dụng 110.000 đồng để đánh bạc, thắng 150.000 đồng, thu giữ số tiền 260.000 đồng.

+ Đặng Thanh H2 sử dụng 1.240.000 đồng để đánh bạc, thua 460.000 đồng, thu giữ số tiền 780.000 đồng.

Ngày 16/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, đến ngày 21/4/2024, bị cáo K tiếp tục tham gia đánh bạc được thua bằng tiền tại ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh thì bị Công an xã T kiểm tra phát hiện, cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Văn K, Trương Thị T1 đã bị kết án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích, bị cáo Nguyễn Thị T3 có 01 tiền sự về hành vi “Đánh bạc” chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/4/2024, các bị cáo K, T1, T3 và các đối tượng Nguyễn Thanh D2, sinh năm 1977; Cao Văn H3, sinh năm 1979; Sầu Văn T6, sinh năm 1989 cùng ngụ ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Trí G, sinh năm 1975, ngụ ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Đặng Thị N3, sinh năm 1971 ngụ ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Lê Thị Bích T7, sinh năm 1987 ngụ ấp G, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Trịnh Đình H4, sinh năm 1970, ngụ phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cùng nhau tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc bầu cua được thua bằng tiền do đối tượng G làm cái tại quán cà phê “Út Sìn” hẻm B đường N thuộc ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950 làm chủ. Việc đánh bạc diễn ra đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã T phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 4.120.000 đồng (thu tại chiếu bạc 300.000 đồng, thu trên người những người tham gia đánh bạc 3.820.000 đồng); 01 đĩa bằng kim loại, 01 hộp bằng nhựa hình trụ, 01 bàn nhựa.

Tổng số tiền đánh bạc được xác định là 4.120.000 đồng, cụ thể:

+ Trần Văn K sử dụng 1.020.000 đồng để đánh bạc, thua 20.000 đồng, thu giữ số tiền 1.000.000 đồng.

+ Trương Thị T1 sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, thua 400.000 đồng, thu giữ số tiền 500.000 đồng.

+ Nguyễn Thị T3 sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, thua 150.000 đồng, thu giữ số tiền 150.000 đồng.

+ Nguyễn Trí G sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, thắng 300.000 đồng, thu giữ số tiền 1.100.000 đồng.

+ Nguyễn Thanh D2 sử dụng 110.000 đồng để đánh bạc, thua 90.000 đồng, thu giữ số tiền 20.000 đồng.

+ Đặng Thị N3 sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, thu giữ số tiền 300.000 đồng.

+ Cao Minh H5 sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, kết quả huê tiền, thu giữ số tiền 200.000 đồng.

+ Sầu Văn T6 sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, thua 150.000 đồng nên không thu giữ tiền trên người.

+ Lê Thị Bích T7 sử dụng 550.000 đồng để đánh bạc, thua 200.000 đồng, thu giữ số tiền 350.000 đồng.

+ Trịnh Đình H4 sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, thắng 50.000 đồng, thu giữ số tiền 200.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 1396/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: 4.110.000 Việt Nam đồng (bốn triệu một trăm mười ngàn đồng) gửi giám định là tiền thật.

Tại Kết luận giám định số: 1828/KL-KTHS ngày 24/9/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: 4.120.000 Việt Nam đồng (bốn triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) gửi giám định là tiền thật.

* Kê biên tài sản: Qua xác minh, các bị cáo K, T3, T1 không có tài sản nên không kê biên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Văn K, Trương Thị T1, Nguyễn Thị T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Cáo trạng số: 72/CT-VKSHT ngày 25-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đã truy tố các bị cáo Trần Văn K, Trương Thị T1, Nguyễn Thị T3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn K, Trương Thị T1, Nguyễn Thị T3 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn K với mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Thị T1 với mức án từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trương Thị T1 phải chấp hành 02 năm tù của Bản án số: 104/2021/HS-ST ngày 27/9/2021

của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh; tổng hợp hình phạt theo Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T3 với mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; tính án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn K nói lời sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo chấp hành án xong sớm về với gia đình.

Bị cáo Trương Thị T1 nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị T3 nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ để bị cáo còn đi làm lo cho con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/7/2023, tại nhà của đối tượng Nguyễn Hữu B thuộc tổ C hẻm S, đường T, thuộc ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Trần Văn K đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, chưa được xoá án tích, có hành vi tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 4.110.000 đồng. Tiếp tục đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/4/2024, tại quán cà phê “Út Sín” thuộc hẻm S đường N thuộc ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, bị cáo K tiếp tục cùng với bị cáo Trương Thị T1 đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, chưa được xoá án tích và bị cáo Nguyễn Thị T3 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tiếp tục có hành vi tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 4.120.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ

hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Trần Văn K, Trương Thị T1, Nguyễn Thị T3 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số: 72/CT-VKSHT ngày 25-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H truy tố về hành vi của các bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, trị an tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa, đồng thời để đáp ứng tình hình phục vụ tại địa phương khi trên địa bàn liên tục xảy ra các loại tội phạm đánh bạc.

[4] Hội đồng xét xử xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo trong vụ án đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thị T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T1 có người thân trong gia đình là người có công cách mạng: Ba ruột là ông Trương Văn D được Bộ cấp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến; chồng Lê Hoàng T2 là cháu của liệt sĩ, thờ cúng liệt sĩ; quá trình sinh sống tại địa phương, bản thân bị cáo tích cực đóng góp cho xã hội; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Bị cáo Trần Văn K đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích lại có hành vi tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền 02 lần, lần 01 số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.110.000 đồng; trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo K tiếp tục tham gia đánh bạc lần 02 với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.020.000 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Số tiền của bị cáo K sử dụng để đánh bạc lớn hơn bị cáo T1 và bị cáo T3, nên bị cáo K nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo T1 và bị cáo T3.

[4.4] Bị cáo T1 sử dụng số tiền đánh bạc 900.000 đồng, bị cáo T3 sử dụng số tiền đánh bạc 300.000 đồng. Do đó, bị cáo T1 phải chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo K và cao hơn bị cáo T3.

Xét thấy bị cáo T1 tham gia đánh bạc với số tiền ít, chiếu bạc dưới 5.000.000 đồng, nhưng do bị cáo đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa

án tích nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T1 được hưởng mức hình phạt thấp hơn quy định. Tuy nhiên, để đảm bảo răn đe và phòng ngừa tội phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

Tại Bản án số: 104/2021/HSST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã H, bị cáo T1 bị xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Đánh bạc”. Trong thời gian thử thách, ngày 16/4/2024 bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội mới, do đó áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt 02 năm tù là có căn cứ.

[4.5] Xét thấy bị cáo T3 sử dụng số tiền đánh bạc ít, có nơi cư trú lý lịch rõ ràng, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Biện pháp tư pháp:

[5.1] Công cụ sử dụng đánh bạc không có giá trị phải tịch thu tiêu hủy.

[5.2] Số tiền 5.250.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo và những người tham gia đánh bạc, 810.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc khi bắt quả tang; cần phải tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với các đối tượng Lê Minh T4, Ngô Tính N, Nguyễn Kiều M, Nguyễn Hữu B, Trương Thảo N2, Võ Quốc T5, Trần Vĩnh P, Đặng Thanh H2, Nguyễn Trí G, Nguyễn Thanh D2, Cao Minh H5, Sầu Văn T6, Lê Thị Bích T7, Trịnh Đình H4, Đặng Thị N3 có hành vi đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, không có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an thị xã H xử lý hành chính là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn S không biết việc các bị cáo K, T1, T3 cùng các đối tượng đến quán cà phê để đánh bạc được thua bằng tiền nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Trần Văn K 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2024.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T1 phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Trương Thị T1 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trương Thị T1 phải chấp hành hình phạt 02 năm tù của Bản án số: 104/2021/HS-ST ngày 27-9-2021 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trương Thị T1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-3-2021 đến ngày 16-6-2021.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T3 phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T3 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T3 cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Nguyễn Thị T3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị T3.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (ba) hột bầu cua;
- 01 (một) cái đĩa bằng kim loại;
- 01 (một) cái hộp bằng nhựa, hình trụ tròn;
- 01 (một) cái bàn nhựa, màu đỏ, loại 04 chân;
- 03 (ba) hột “Bầu - Cua”. Tình trạng: Đã qua sử dụng;
- 01 (một) cái đĩa bằng kim loại, kích thước (24 x 4) cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) thùng nhựa màu trắng, kích thước (12,5 x 18,5) cm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) tờ giấy có in hình “Bầu, cua, cá, gà, nai, tôm”. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

2.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) gói niêm phong (tiền Việt Nam 1.950.000 đồng, trong đó tiền tang 300.000 đồng, thu giữ của Trần Văn K là 1.000.000 đồng, Trương Thị T1 500.000 đồng, Nguyễn Thị T3 là 150.000 đồng, kèm theo bảng kê chi tiết tài sản giao nhận và Kết luận giám định số 1828/KL-KTHS ngày 24/9/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T).

- 01 (một) gói niêm phong (tiền Việt Nam 4.110.000 đồng, bằng chữ: Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng, kèm theo bảng kê chi tiết tài sản giao nhận và Kết luận giám định số 1396/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T).

(Vật chứng, tiền hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 4 năm 2024 và ngày 24 tháng 10 năm 2024).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Văn K, Trương Thị T1, Nguyễn Thị T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã H;
- Công an thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Huỳnh Châu